1/81 WTO

Recorded by BRR

Date 5/25/83

U.S. GEOLOGICAL SURVEY
WATER RESOURCES DIVISION
MISSISSIPPI DISTRICT
WELL RECORD

Well No. F49

E-Log No.

County MARION

Site ID 3 1 1 9 5 1 0 8 9 5 5 0 2 0 1 (5–19) | R=0* | T= A * | 2=W*

Data reliab. 3= 4 * C U | Report. agency 4=USGS* | Dist. 6=28* | 7=28* | Co. 8= 0 9 1 *

GEN. SITE DATA

Lat. Long. / 9= 3 1 1 9 5 1 * | 10= 0 8 9 5 5 0 2 * | Well No. 12= F 0 4 9 *

Location 13= NE NW S 0 9 T 0 4 N R 1 9 W * | Alt. 16= 1 5 5. *

Hyd. Unit(OWDC) 20= * | Date 21= 0 5 / 1 2 / 1 9 8 3 *

Well use 23= W * | Water Use 24= Z * | Hole depth 27= 1 6 8. * | Well depth 28= 1 4 7. *

WL 30= 1 0. * | Date 31= 0 5 / 1 2 / 1 9 8 3 * | Source 33= D *

Status 273 = * | Project No. 5= *

OWNER

R=158* | T= A * | Date 159# 0 5 / 1 2 / 1 9 8 3 * | Owner No. # 1 ROBERTSON

Owner 161# F L A E X P L N C O *

FIELD QW

R=192* | T= A * | Date 193# / / * | Temp. 196#00010* | 197= . *

R=192* | T= A * | Date 193# / / * | Cond. 196#00095* | 197= . *

R=192* | T= A * | Date 193# / / * | pH 196#00400* | 197= . *

CONSTR.

R=58* | T= A * | 59# 1* | Date 60= 0 5 / 1 2 / 1 9 8 3 * | Remarks

Drlg. 63= 1 8 4 * | Name GRINER | Method 65= H * | Finish 66= P *

CASING

R=76* | T= A * | 59#1*

Top csgn. 77# 0. * | Bot. csgn. 78= 1 0 5. * | Diam. 79# 4. *

R=76* | T= A * | 59#1*

Top csng 77# . * | Bot. csgn. 78= . * | Diam. 79# . *

OPENINGS

R=82* | T= A * | 59#1* | Top 83# 1 0 5. * | Bottom 84= 1 4 7. *

Type 85= P * | Diam. 87= 4. * | Size 88= . *

R=82* | T= A * | 59#1* | Top 83# . * | Bottom 84= . *

Type 85= * | Diam. 87= . * | Size 88= . *

YIELD

R= 1 4 6 * | T= A * | 147# 1 * | Q 150= 9 0. * | Q/S 272= . *

134 flows 146 pumped

LIFT

R=42* | T= A * | Lift type 43# A * | Intake 44= * | Power type 45= *

Date 38= 05/12/1983 * | H.P. 46= *

LOGS

R=198* | T= A * | Log 199# D * | Top 200= 0. * | Bot 201= 168. *

R=198* | T= A * | Log 199# * | Top 200= * | Bot 201= *

R=189* | T= A * | E Log No. 190# * | 191= M I S S D I S T *

ANAL.

R=114* | T= A * | Year 115# * | 117= * | 120= *

AQUIFERS

R=90* | T= A * | 256# 1 * | Top 91= 84. * | Bot 92= 47. *

Unit ID 93= 122MIOCN * | Name of Unit MIOCEN

R=90* | T= A * | 256# 1 * | Top 91= * | Bot 92= *

Unit ID 93= * | Name of Unit

HYDRAULICS

R=98* | T= A * | 99# 1 * | Unit tested 100= * | 103= *

R=105* | T= A * | 99# 1 * | Test No. 106# *

107= * | Transmissivity (gal/d)/ft

108= * | Hydraul. cond. (gal/d)/ft^2

110= * | Storage coeff. | Boundaries

R=121* | T= * | Yr Begin 122# * | Network 258 # *

Water Level Data Collection (1)

300' S & 2405' E of NW/Cor.

clay, gravel	0	21
chalk	21	84
sand, gravel	84	147
chalk	147	168